TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Số: 2953/TTPTQĐ.CNLT-TBT.N1

V/v Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (GĐ 1),tại phường Long Thành (đợt 7).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 11 tháng 11 năm 2026

Kính gửi: UBND Phường Long Thành.

Căn cứ điểm 1, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 11/11/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 7).

(Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).

Nay, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND Phường Long Thành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND Phường Long Thành, địa điểm sinh hoạt chung của dân cư đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND Phường Long Thành trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND Phường Long Thành quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ.TTPTQĐCNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật; An, Vinh, Hưng);
- Lưu: VT N1.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Mai Ngọc Thắng

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 11 tháng 10 năm 2026.

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

Về bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 7).

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 90/VBHN-BNNMT ngày 30/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 14/10/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 04/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 28/10/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc uỷ quyền cho Uỷ ban Nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn Thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 14/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai.

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 22/8/2026 của UBND xã Phước Thái về việc thu hồi đất để thực hiện dự án tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án bồi thường, hỗ trợ dự kiến dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1) tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 7), cụ thể như sau:

I/. Về trách nhiệm trong việc xác nhận hồ sơ, thẩm tra, lập phương án bồi thường trình thẩm định, phê duyệt:

Căn cứ khoản 5, Điều 224 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội quy định *"Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính về đất đai chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền và thời gian theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó"*;

Theo quy định tại khoản 4, Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024: *"Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó"*.

Về trách nhiệm: Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành không chịu trách nhiệm về những sai sót đối với việc cấp giấy CNQSD đất không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc. Các sai sót trong việc cấp giấy CNQSD đất trước đây không đúng quy định, việc xác định thời điểm xây

dựng nhà, vật kiến trúc do các Tổ chức, cá nhân đã thực hiện phải chịu trách nhiệm;

Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Long Thành căn cứ vào hồ sơ bồi thường đã được các cơ quan đơn vị xác nhận, thẩm tra, chấp thuận để áp giá, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chỉ chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý trong công tác áp giá số lượng, số liệu để lập phương án bồi thường, hỗ trợ trình thẩm định, phê duyệt; không chịu trách nhiệm về các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền chấp thuận, xác nhận, thẩm tra, thẩm định theo chức năng nhiệm vụ.

II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 52 thửa/ 34.689,1 m^2. Trong đó:

- Đất nông nghiệp (CLN, HNK, RSX, LUC, LUK): **34.538,6 m^2**.
- Đất ở đô thị (OĐT): **90 m^2**.
- Đất sông suối (SON): **60,5 m^2**.

1.1. Bồi thường đất:

Căn cứ Điều 95, 96, 101 Luật Đất đai 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND và Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai; Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026; Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Về loại đất, diện tích, quá trình sử dụng đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành trong giấy xác nhận nguồn gốc đất (mẫu 2), UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận này.

Về vị trí đất, thông tin thửa đất thu hồi: Căn cứ Danh sách xác định vị trí các thửa đất và các Phiếu cung cấp thông tin của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành.

1.2. Bồi thường, hỗ trợ nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác trên đất:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác, xác nhận không bị lập biên bản về vi phạm trong quá trình xây dựng *(theo quy định tại Điều 19, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh)*. UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Căn cứ Văn bản hợp nhất số 04/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 28/10/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền

bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1.3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/2026/VBHN-QĐ-UBND ngày 14/10/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quyết định ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

1.4. Các chính sách hỗ trợ:

Đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 10, 13 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Các trường hợp có đất thu hồi có hộ khẩu thường trú tại địa phương, UBND phường Long Thành và Công an phường Long Thành xác nhận các trường hợp đủ điều kiện *(theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ*), Trung tâm Phát triển Quỹ đất tính toán áp giá chính sách hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định

- Các trường hợp hộ dân có đất thu hồi là có hộ khẩu thường trú ngoài địa phương, Trung tâm Phát triển Quỹ đất đã có văn bản gửi đến Công an phường, xã nơi hộ dân cư trú để xác nhận nhân khẩu và nghề nghiệp sau khi có ý kiến của cơ quan chức năng nơi các hộ dân cư trú, Trung tâm Phát triển Quỹ đất sẽ áp bổ sung chính sách hỗ trợ (nếu xác nhận đủ điều kiện).

1.5. Thưởng di dời:

Thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Tổng số trường hợp có đất thu hồi:

Tổng số trường hợp: **56 trường hợp**, trong đó:

Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **21.655.763.615 đồng.**

(Bằng chữ: Mười hai tỷ, chín trăm tám mươi mốt triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng).

Trong đó:

- Giá trị Bồi thường, hỗ trợ đất: 12.432.334.258 đồng.
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc: 7.283.643.946 đồng.
- Giá trị Bồi thường, hỗ trợ cây trồng: 825.939.411 đồng.

- Giá trị về các chính sách hỗ trợ: 0 đồng
- Thưởng di dời: 552.000.000 đồng.
- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%): 757.951.727 đồng.

(Đính kèm Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ).

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, không có giá trị bồi thường cho các hộ dân; Sau khi hết thời gian niêm yết UBND phường Long Thành thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai chi nhánh Long Thành sẽ thông báo chi trả tiền cho các hộ theo quy định.

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1), tại phường Long Thành và xã Long Phước, thành phố Đồng Nai, đoạn qua địa bàn phường Long Thành (đợt 7)./.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thuộc dự án: Tiêu Thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1), qua Phường Long Thành (đợt 7)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp					Đất không đủ điều kiện						
				Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất sông suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác							
1	Đặng Văn Tiến; Nguyễn Công Lộc	622 Nguyễn Trung Trực, K.Phố 5, P.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	700.6	-	-	-	**700.6**	700.6	-	-	-	-	222,475,530	-	14,057,400	-	-	**236,532,930**
2	Nguyễn Thanh Toàn	Ấp Cầm Đường, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	3387.9	-	-	-	**3387.9**	-	2761.6	-	626.3	-	813,502,548	-	35,890,894	-	20,000,000	**869,393,442**
3	Nguyễn Ngọc Châu	3/10 Hưng Hóa, phường Tân Hòa, TP.HCM	595.9	-	-	-	**595.9**	595.9	-	-	-	-	463,133,480	-	146,733	-	16,000,000	**479,280,213**
4	Lê Ngọc Thanh (TSTĐ Nguyễn Vũ Thụy "Thửa 88, 89; tờ 225")	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,994,000	27,645,890	-	-	**29,639,890**
5	Nguyễn Vũ Thụy	93 đường 27, K.Phố 89, P.Hiệp Bình, TP.HCM	1861.9	-	-	-	**1861.9**	-	-	-	1861.9	-	607,444,875	-	-	-	20,000,000	**627,444,875**
6	Mã Văn Giáp; Nguyễn Đức Khải; Trần Thị Bưởi; Trần Thị Sim; Nguyễn Ngọc Hân	Đại Từ, Thái Nguyên	640.8	-	-	-	**640.8**	640.8	-	-	-	-	203,486,040	-	-	-	16,000,000	**219,486,040**
7	Mai Văn Thanh	4/21 K.Phố 5, P.Hiệp Bình, TP.HCM	299.4	-	-	-	**299.4**	299.4	-	-	-	-	117,215,100	-	9,193,289	-	12,000,000	**138,408,389**
8	Phan Thị Ánh Sáng	10/9A Lạc Long Quân, K.Phố 4, P.Vũng Tàu, TP.HCM	3383.1	-	-	-	**3383.1**	3383.1	-	-	-	-	1,015,437,465	-	30,731,202	-	20,000,000	**1,066,168,667**
9	Trương Thị Quế Hương	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	138.4	-	-	-	**138.4**	138.4	-	-	-	-	45,153,000	58,000	13,142,735	-	8,000,000	**66,353,735**
10	Nguyễn Thị Kiều Linh	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	1,613	-	-	-	**1,613**	1,613	-	-	-	-	778,837,050	172,477,984	36,154,945	-	20,000,000	**1,007,469,979**
11	Nguyễn Khương Duy	K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	298.1	-	-	-	**298.1**	298.1	-	-	-	-	89,474,715	18,342,640	15,183,167	-	12,000,000	**135,000,522**
12	Trương Thành Phúc	K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	51.9	-	-	-	**51.9**	51.9	-	-	-	-	30,102,000	-	-	-	4,000,000	**34,102,000**
13	Nguyễn Văn Lắm	khu phố An Lâm, phường Long Thành	1244.2	-	-	-	**1244.2**	1244.2	-	-	-	-	395,095,710	-	49,517,201	-	16,000,000	**460,612,911**
14	Nguyễn Đức Hiếu	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	70.2	-	-	-	**70.2**	70.2	-	-	-	-	27,483,300	20,322,552	2,458,649	-	8,000,000	**58,264,501**
15	Trần Tuấn; Nguyễn Thị Thanh Bình	210/01 đường số 9, P.Thông Tây Hội, TP.HCM	824.8	-	-	-	**824.8**	824.8	-	-	-	-	275,070,800	-	26,780,820	-	16,000,000	**317,851,620**
16	Vũ Mạnh Kháng	98/9B Ung Văn Khiêm, P.Thạnh Mỹ Tây, HCM	457	-	-	-	**457**	457	-	-	-	-	243,832,000	65,546,720	1,787,771	-	16,000,000	**327,166,491**
17	Đào Duy Long	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	1091.3	-	-	-	**1091.3**	1091.3	-	-	-	-	341,795,160	-	7,559,035	-	16,000,000	**365,354,195**
18	Ka Riêm	K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	136	-	-	-	**136**	136	-	-	-	-	78,880,000	-	4,499,894	-	8,000,000	**91,379,894**

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp					Đất không đủ điều kiện						
				Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất sông suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác							
19	Huy Nhật Tâm Hương; Đinh Gia Hưng	404/20 Tân Phú, khu Nam Đô S7, KP.6, phường Tân Mỹ, TP.HCM	374	-	-	-	**374**	374	-	-	-	-	122,707,990	-	969,819	-	12,000,000	**135,677,809**
20	Tất Chí Dũng; Trần Thị Thanh Thủy	930/23D Trần Hưng Đạo, p.An Đông, HCM	1235.4	-	-	-	**1235.4**	1235.4	-	-	-	-	392,301,270	-	3,769,080	-	16,000,000	**412,070,350**
21	Trịnh Thúc Bình	K.Phố Phước Thuận, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	1039.6	-	-	-	**1039.6**	1039.6	-	-	-	-	302,991,420	-	37,878,577	-	16,000,000	**356,869,997**
22	Phạm Văn Em	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	259	-	-	-	**259**	-	259	-	-	-	75,485,550	-	2,427,265	-	8,000,000	**85,912,815**
23	Nguyễn Văn Luật (TSTĐ Nguyễn Ngọc Đức)	khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49,854,888	132,967	-	-	**49,987,855**
24	Đoàn Ngọc Trúc Ngân	K.Phố Phước Thuận, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	587.4	-	-	-	**587.4**	-	587.4	-	-	-	178,863,300	-	1,427,635	-	12,000,000	**192,290,935**
25	Phạm Nguyễn Đức Dương - Lê Nhà Phương	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	258	-	-	-	**258**	-	258	-	-	-	75,194,100	-	2,831,312	-	8,000,000	**86,025,412**
26	Cao Thị Huyền Chơn, Cao Trường Nhơn, Cao Thị Diệu Hiền (ĐSD)	K.Phố Hiệp Phước, P.Nhơn Trạch, TP.Đồng Nai	602.2	-	-	-	**602.2**	602.2	-	-	-	-	392,935,500	-	5,269,664	-	16,000,000	**414,205,164**
27	Nguyễn Quý Lâm (TSTĐ Nguyễn Ngọc Đức)	khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	377,441,696	26,141,222	-	-	**403,582,918**
28	Huỳnh Chí Đức; Nguyễn Thị Cẩm Thúy	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	171.4	-	-	-	**171.4**	171.4	-	-	-	-	99,412,000	711,646,794	434,100	-	-	**811,492,894**
29	Nguyễn Trọng Hiền; Sơn Ngọc Trang	Phường Trảng Bom, TP.Đồng Nai	306.7	-	-	-	**306.7**	306.7	-	-	-	-	237,454,030	25,212,560	-	-	16,000,000	**278,666,590**
30	Huỳnh Tấn Đức	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	349.7	-	-	-	**349.7**	-	-	349.7	-	-	80,623,335	26,213,760	36,752,464	-	12,000,000	**155,589,559**
31	Nguyễn Thị Hiền	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	54.4	-	-	-	**54.4**	54.4	-	-	-	-	29,185,600	40,286,848	4,351,432	-	8,000,000	**81,823,880**
32	Lê Thị Hồng Ngọc	600/12/9/9 Kinh Dương Vương, An Lạc, TP.HCM	498.2	-	-	-	**498.2**	498.2	-	-	-	-	166,149,700	65,874,200	27,321,841	-	16,000,000	**275,345,741**
33	Nguyễn Thị Tho (TSTĐ Bùi Duy Tân - Nguyễn Thị Huệ)	khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	437,969,256	11,821,236	-	-	**449,790,492**
34	Nguyễn Như Định	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	1267.8	-	-	-	**1267.8**	1267.8	-	-	-	-	680,174,700	191,902,760	30,995,245	-	20,000,000	**923,072,705**

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp					Đất không đủ điều kiện						
				Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất sông suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác							
35	Trương Thị Diệu Hiền - Trương Quốc Tuấn - Trương Thị Diệu Vi - Trương Thị Diệu Ngân - Trương Thị Diệu Hà - Trương Quốc Việt - Trương Thị Diệu Quỳnh (ĐSD)	Thành phố Đồng Nai; Thành phố Hồ Chí Minh	968.7	-	-	-	**968.7**	968.7	-	-	-	-	561,846,000	82,651,600	38,143,041	-	20,000,000	**702,640,641**
36	Trần Trung Kiên	khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	231,301,676	-	-	-	**231,301,676**
37	Nguyễn Ngọc Hân (TSTĐ Hà Tấn Giang)	khu phố Bình Sơn 2, phường Long Thành		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	455,831,124	407,900	-	-	**456,239,024**
38	Huỳnh Phát Căn; Nguyễn Cao Cường	59/14 Ngô Nhân Tịnh, phường Bình Tiên, HCM	3410.8	-	-	-	**3410.8**	3410.8	-	-	-	-	970,418,300	241,142,800	-	-	20,000,000	**1,231,561,100**
39	Trần Thị Thùy Dung; Trần Hữu Phúc	ấp Phước Nguyên, xã An Phước, TP.Đồng Nai	1414.9	-	-	-	**1414.9**	671.9	-	-	743	-	412,372,605	25,515,440	111,923,462	-	20,000,000	**569,811,507**
40	Phan Thế Vĩnh (TSTĐ Phạm Ngọc Trường - Phạm Nguyên Ân - Trịnh Mai Hương - Phạm Thị Thật - Nguyễn Thị Thùy - Nguyễn Thị Kim Thương (ĐSD)))	K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	192,511,815	-	-	-	**192,511,815**
41	Phạm Thị Thật (TSTĐ Phạm Ngọc Trường - Phạm Nguyên Ân - Trịnh Mai Hương - Phạm Thị Thật - Nguyễn Thị Thùy - Nguyễn Thị Kim Thương (ĐSD)))	142 - 144 Lê Đình Thám, P.Tân Sơn Nhì, TP.HCM		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	126,818,073	2,934,321	-	-	**129,752,394**
42	Lê Tấn Lập, Lê Công Minh, Lê Thị Mỹ Nghi, Lê Kim Hoàng, Lê Công Chính, Lê Công Mẫn, Lê Thị Huỳnh Anh, Lê Hữu Thành, Lê Tấn Sang (ĐSD)	K.Phố Bình Sơn 2, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	1032.5	-	-	-	**1032.5**	1032.5	-	-	-	-	601,844,250	-	50,025,781	-	20,000,000	**671,870,031**
43	Phùng Són Bầu, Nguyễn Thị Phấn (TSTĐ Vũ Thị Vui, Vũ Văn Dũng, Vũ Thị Diễm, Vũ Văn Sỹ, Ngô Thị Minh Thuyết, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Công Đức, Nguyễn Văn Phụng (ĐSD))	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	160,333,914	10,388,270	-	-	**170,722,184**

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng đi dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp					Đất không đủ điều kiện						
				Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất sông suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác							
44	Nguyễn Văn Phụng (TSTĐ Vũ Thị Vui, Vũ Văn Dũng, Vũ Thị Diễm, Vũ Văn Sỹ, Ngô Thị Minh Thuyết, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Công Đức, Nguyễn Văn Phụng (ĐSD))	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	450,895,028	1,904,507	-	-	**452,799,535**
45	Nguyễn Thị Hoa (TSTĐ Vũ Thị Vui, Vũ Văn Dũng, Vũ Thị Diễm, Vũ Văn Sỹ, Ngô Thị Minh Thuyết, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Công Đức, Nguyễn Văn Phụng (ĐSD))	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	315,084,820	1,430,000	-	-	**316,514,820**
46	Vũ Thị Vui (TSTĐ Vũ Thị Vui, Vũ Văn Dũng, Vũ Thị Diễm, Vũ Văn Sỹ, Ngô Thị Minh Thuyết, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Công Đức, Nguyễn Văn Phụng (ĐSD))	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	271,887,532	-	-	-	**271,887,532**
47	Nguyễn Đức Khải (TSTĐ Mã Văn Giáp, Nguyễn Đức Khải, Trần Thị Bưởi, Trần Thị Sim, Nguyễn Ngọc Hân (ĐSD))	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	337,475,668	944,537	-	-	**338,420,205**
48	Trần Thị Bưởi (TSTĐ Mã Văn Giáp, Nguyễn Đức Khải, Trần Thị Bưởi, Trần Thị Sim, Nguyễn Ngọc Hân (ĐSD))	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	345,012,952	174,900	-	-	**345,187,852**
49	Trần Thị Sim (TSTĐ Mã Văn Giáp, Nguyễn Đức Khải, Trần Thị Bưởi, Trần Thị Sim, Nguyễn Ngọc Hân)	khu phố Bình Sơn 1, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420,285,524	-	-	-	**420,285,524**
50	Mã Văn Giáp (TSTĐ Mã Văn Giáp, Nguyễn Đức Khải, Trần Thị Bưởi, Trần Thị Sim, Nguyễn Ngọc Hân)	khu phố Bình Sơn 1, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	119,428,408	1,763,676	-	-	**121,192,084**
51	Trần Thị Mỹ Hạnh	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	1698.4	-	-	-	**1698.4**	1698.4	-	-	-	-	-	599,915,750	8,471,876	77,824,959	-	20,000,000	**706,212,585**

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)										Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp					Đất không đủ điều kiện						
				Tổng	Đất ở tại đô thị	Đất sông suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất trồng cây hàng năm khác							
52	Phạm Nguyên Ân, Trịnh Mai Hương, Phạm Thị Thật, Nguyễn Thị Thùy, Nguyễn Thị Kim Thương, Phạm Ngọc Trường (ĐSD)	Thành phố Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh	189.7	-	-	-	**189.7**	189.7	-	-	-	-	60,239,235	-	-	-	8,000,000	**68,239,235**
53	Lê Thị Lệ Trinh	Số 3, tổ 46, đường số 8, K.Phố 4, P.Thủ Đức, TP.HCM	911	-	-	-	**911**	370.7	-	-	540.3	-	295,481,000	-	1,661,472	-	16,000,000	**313,142,472**
54	Đặng Văn Quang	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	231.9	150.5	90		**81.4**	81.4	-	-	-	60.5	356,015,000	496,365,622	5,497,421	-	20,000,000	**877,878,043**
55	Triệu Trọng Phong (TSTĐ Triệu Thị Thắm thửa 141, tờ 148)	K.Phố Bình Sơn 1, P.Long Thành, TP.Đồng Nai		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	257,308,936	1,144,000	-	-	**258,452,936**
56	Vũ Thị Hiền	K.Phố An Lâm, P.Long Thành, TP.Đồng Nai	1032.9	-	-	-	**1032.9**	1032.9	-	-	-	-	554,150,850	540,176,480	52,497,680	-	20,000,000	**1,166,825,010**
Tổng			**34,689.1**	**150.5**	**90.0**	**0.0**	**34,538.6**	**26,551.4**	**3,866.0**	**349.7**	**3,771.5**	**60.5**	**12,994,180,258**	**7,283,643,946**	**825,939,411**	**0**	**552,000,000**	**21,655,763,615**
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																		**21,655,763,615**
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:																		**757,951,727**
3.Tổng cộng (1+2):																		**22,413,715,342**